

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2010

Trình độ đào tạo:	ĐẠI HỌC
Ngành:	KẾ TOÁN
Chuyên ngành đào tạo:	KẾ TOÁN
Loại hình đào tạo:	CHÍNH QUI

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân chuyên ngành kế toán có năng lực chuyên môn cao, có phẩm chất chính trị tốt, có nhận thức cao về đạo đức nghề nghiệp.

Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về các lĩnh vực liên quan đến *nghề nghiệp kế toán, nhất là kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích tài chính và thuế*. Ngoài ra, chương trình còn trang bị cho sinh viên những kiến thức kinh doanh cơ bản trong nền kinh tế thị trường trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay. Chương trình sẽ tạo dựng những nền tảng cho sự thành công và phát triển nghề nghiệp trong tương lai cho người học. Chương trình còn hướng đến khả năng tự nghiên cứu để người học sau khi tốt nghiệp có thể hành nghề một cách độc lập.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Kiến thức

- Nắm vững kiến thức chuyên môn và năng lực hành nghề về kế toán, kiểm toán, phân tích đánh giá tài chính của doanh nghiệp;
- Nắm vững kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp để vận dụng trong thực tế;

1.2.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng nghề nghiệp cao, có tính sáng tạo, vận dụng tốt lý thuyết vào tình huống thực tế để xử lý công việc kế toán, kiểm toán, phân tích, đánh giá tài chính;
- Có khả năng làm việc linh hoạt độc lập hoặc theo nhóm, chịu được áp lực cao trong công việc;
- Có khả năng đảm nhận các công việc khác ngoài kế toán trong quản trị doanh nghiệp;
- Sử dụng thành thạo tin học văn phòng;
- Có khả năng giao tiếp, làm việc trong môi trường quốc tế với trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 500 hoặc tiếng Pháp DELF A2 hoặc có chứng chỉ các ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF).

1.2.3. Thái độ và hành vi

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ xã hội, cộng đồng;
- Chấp hành tốt pháp luật của Nhà Nước, quy chế của doanh nghiệp, cơ quan.
- Nhận thức được giá trị văn hóa doanh nghiệp, tôn trọng, hợp tác với đồng nghiệp;
- Có tinh thần học hỏi, cầu tiến.

1.3. Cơ hội làm việc

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kế toán của nhà trường có thể đảm nhiệm vị trí chuyên viên kế toán và xa hơn là kế toán trưởng, giám đốc tài chính ở các doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kế toán có thể làm việc ở các công ty kiểm toán, làm chuyên viên phân tích tài chính tại các ngân hàng thương mại, làm việc tại cơ quan thuế và các tổ chức kinh tế khác.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Qui trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ)

7.1.1. Lý luận chính trị

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	2120201	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
2	2120251	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
3	2120211	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
4	2120061	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
Tổng cộng			10

7.1.2. Khoa học xã hội

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
5	2110011	Pháp luật đại cương	2
6	2130032	Quản trị học	3
7	2110051	Xã hội học	2
Tổng cộng			7

7.1.3. Ngoại ngữ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
8	4270011	Ngoại ngữ đại cương 1	3
9	4270021	Ngoại ngữ đại cương 2	2
10	4270031	Ngoại ngữ đại cương 3	2
Tổng cộng			7

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
11	2110061	Phương pháp định lượng trong kinh tế	3
12	2150011	Tin học đại cương	3

13	3250041	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
14	3250011	Toán cao cấp 1	3
15	3250021	Toán cao cấp 2	2
Tổng cộng			14

7.1.5 Giáo dục thể chất

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
16		Giáo dục thể chất	5

7.1.6 Giáo dục quốc phòng

STT	Mã học phần	Tên học phần	
17		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (87 tín chỉ)

7.2.1. Kiến thức cơ sở

7.2.1.1 Kiến thức cơ sở khối ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
18	2111221	Kinh tế vĩ mô	3
19	2130851	Kinh tế vi mô	3
Tổng cộng			6

7.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
20	2110042	Luật kinh tế	2
21	2160082	Marketing căn bản	3
22	2150042	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
23	2140012	Tài chính – Tiền tệ	3
Tổng cộng			11

7.2.2. Kiến thức ngành chính

7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành chính

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
24	2100073	Kế toán quản trị	3
25	2100063	Kế toán tài chính 1	4
26	2100082	Kiểm toán căn bản	3
27	2100012	Nguyên lý kế toán	3
Tổng cộng			13

7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành chính

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
28	2100442	Hệ thống thông tin kế toán 1	3
29	2100452	Hệ thống thông tin kế toán 2	3
30	2100123	Kế toán hành chính sự nghiệp	2

31	2100093	Kế toán tài chính 2	3
32	2100482	Kế toán tài chính 3	3
33	2100113	Kiểm toán tài chính	3
34	2100162	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3
Tổng cộng			20
<i>Chọn ít nhất 3 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>			
35	2100463	Kế toán quản trị nâng cao	3
36	2100473	Kế toán quốc tế	3
37	2100512	Kiểm soát nội bộ	3

7.2.3. Kiến thức bổ trợ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
38	2160032	Kinh doanh xuất nhập khẩu	3
39	2140123	Tài chính doanh nghiệp	3
40	2140363	Thuế	3
Tổng cộng			9
<i>Chọn ít nhất 11 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>			
41	2140293	Đầu tư tài chính	3
42	2150083	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3
43	2140203	Kế toán ngân hàng	3
44	2160573	Kinh tế quốc tế	3
45	2130882	Phát triển kỹ năng quản trị	3
46	2010011	Phương pháp NCKH	2
47	2130972	Quản trị chất lượng toàn diện	3
48	2130072	Quản trị chiến lược	3
49	2140562	Quản trị ngân hàng	3
50	2130132	Quản trị sản xuất	3
51	2140132	Tài chính quốc tế	3
52	2140142	Thị trường và các định chế tài chính	3
53	2150682	Thống kê kinh doanh	3

7.2.4. Đề án môn học, thực hành và hoạt động ngoại khóa

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
54	2100213	Đề án môn học	2
55	2100553	Thực hành kế toán	2
56		Hoạt động ngoại khóa	

7.2.5. Thực tập cuối khóa

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
Hình Thức 1			
57	2100413	Bảo vệ báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
58		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6

Hình Thức 2			
59	2100493	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp*	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

7.2.6. Lộ trình học (đính kèm theo chương trình đào tạo này).

HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG